

BỘ XÂY DỰNG

Số: 1390 /QĐ-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực
đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại Mục 3 Phần II thuộc lĩnh vực đường bộ tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 461/QĐ-BXD ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Nội dung công bố thủ tục hành chính quy định tại Mục 5, 7, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 33 Phần II thuộc lĩnh vực đường bộ tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 461/QĐ-BXD ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố thủ tục hành chính tại Mục 1, 2, 3 Phần II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 662/QĐ-BXD ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ phạm vi chức năng quản lý Bộ Xây dựng hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Bộ;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, CĐBVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ **Lê Anh Tuấn**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH
VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 07/8/2026 của Bộ Xây dựng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Sở Xây dựng
2	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh		
3	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định		
4	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải		
5	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN		
6	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN		
7	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới		
8	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS		

9	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Sở Xây dựng
10	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS		
11	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
12	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia		
13	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
14	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam		
15	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam		
16	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam		
17	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc		

18	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Sở Xây dựng
19	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc		
20	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)		
21	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		
22	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào		
23	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào		
24	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia		
25	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia		
26	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia		
27	1.000321	Đăng ký, khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia		

2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết				
1	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.	Sở Xây dựng

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Trung tâm dịch vụ hành chính công nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- ¹ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- ² Sở Xây dựng kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- ³ Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ hợp lệ thì cán

¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ,

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

Cơ quan cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ, trả kết quả và cấp giấy phép kinh doanh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc ứng dụng VNeID hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, việc tiếp nhận hồ sơ, cập nhật thông tin của hồ sơ và trả kết quả cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ⁴Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử của Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;
- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử của Văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải đối với đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định.
- Văn bản hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải tối thiểu từ 03 năm trở lên đối với đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định (trừ trường hợp người trực tiếp điều hành vận tải là chủ hộ hoặc người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải);
- Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính hoặc dữ liệu điện tử của Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;
- Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính hoặc dữ liệu điện tử của Quyết định giao nhiệm vụ đối với người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**1.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.****1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

1.8. Phí, lệ phí: không có.**1.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đáp ứng điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ quy định tại Điều 13 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 28/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 218/2026/NĐ-CP).

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

⁵ **ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: (số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp); Mã số thuế:; Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp hoặc mã số hợp tác xã hoặc mã số liên hiệp hợp tác xã hoặc mã số tổ hợp tác hoặc mã số hộ kinh doanh):
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số định danh cá nhân; trình độ chuyên môn về vận tải hoặc kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là chủ hộ kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

⁵ Phụ lục này được thay thế bởi Phụ I ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

.....

9. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi): Theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải do ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải) đã công bố.

10. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ Số:.....Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày/tháng/năm.....nơi cấp.....) ● Cấp cho đơn vị:..... ● Địa chỉ:..... ● Số điện thoại:..... ● Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp ● Người đại diện theo pháp luật:..... ● Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ - - -	
QR code	, ngày/tháng/năm... Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

- + Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;
- + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.
- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

2. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Trung tâm dịch vụ hành chính công nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Xây dựng phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Xây dựng kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

- Cơ quan cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ, trả kết quả và cấp giấy phép kinh doanh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc ứng dụng VNeID hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

- Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, việc tiếp nhận hồ sơ, cập nhật thông tin của hồ sơ và trả kết quả cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh*

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Tài liệu chứng minh, sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định.

** Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi*

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc dữ liệu điện tử của Văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải đối với đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định.

- Văn bản hoặc tài liệu chứng minh kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải tối thiểu từ 03 năm trở lên đối với đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định (trừ trường hợp người trực tiếp điều hành vận tải là chủ hộ hoặc người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải);

- Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính hoặc dữ liệu điện tử của Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;

- Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính hoặc dữ liệu điện tử của Quyết định giao nhiệm vụ đối với người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải.

- Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

2.8. Phí, lệ phí: không có.

2.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đáp ứng điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ quy định tại Điều 13 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 28/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 218/2026/NĐ-CP).

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: (số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp); Mã số thuế:; Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp hoặc mã số hợp tác xã hoặc mã số liên hiệp hợp tác xã hoặc mã số tổ hợp tác hoặc mã số hộ kinh doanh):
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số định danh cá nhân; trình độ chuyên môn về vận tải hoặc kinh nghiệm làm việc tại đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là chủ hộ kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc là người đại diện pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
.....

9. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi): Theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải do ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải) đã công bố.

10. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ Số:.....Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày/tháng/năm.....nơi cấp.....) ● Cấp cho đơn vị:..... ● Địa chỉ:..... ● Số điện thoại:..... ● Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp ● Người đại diện theo pháp luật:..... ● Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ - - -	
QR code	, ngày/tháng/năm... Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:
 - + Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;
 - + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.
- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

3. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Trung tâm dịch vụ hành chính công nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Xây dựng phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh vận tải.

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Xây dựng, đơn vị kinh doanh vận tải phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, đơn vị kinh doanh vận tải không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Xây dựng tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;

- ⁶ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng với Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia. Trong thời gian 01 ngày làm việc, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do). Trường hợp Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia không có văn bản trả lời thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang trạng thái đã đồng ý;

- Sau khi có ý kiến xác nhận đồng ý của Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia, Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý theo mẫu quy định.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Xây dựng xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của đơn vị kinh doanh vận tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ,

- Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày đơn vị kinh doanh vận tải ngừng tham gia khai thác tuyến hoặc theo hiệu lực của quyết định đình chỉ khai thác tuyến của Sở Xây dựng. Trước 10 ngày hết hạn, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng đến đơn vị kinh doanh vận tải về thời gian hết hạn của Thông báo đăng ký khai thác tuyến. Sau 60 ngày kể từ ngày có Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công, nếu đơn vị kinh doanh vận tải không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công không còn hiệu lực.

3.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính văn bản trao đổi thống nhất giữa bên xe hai đầu tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới (tuyến chưa được công bố) hoặc tuyến có điều chỉnh tăng lưu lượng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, cụ thể:

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc: Sở Xây dựng nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện rà soát và gửi văn bản lấy ý kiến thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng với Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia.

+ Trong thời gian 01 ngày làm việc, Sở Xây dựng đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định).

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

3.8. Phí, lệ phí: không có.

3.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Đăng ký khai thác tuyến.
- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định, biểu đồ chạy xe theo tuyến đã công bố và cập nhật trên danh mục tuyến vận tải khách cố định của Bộ Xây dựng, đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình tuyến cố định được quyền lựa chọn giờ xuất bến và thực hiện đăng ký khai thác tuyến theo quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên Đơn vị KDVT:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến:
- Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
- Bến xe đi:..... Bến xe đến:.....(3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: giờ.... phút, vào các ngày.....
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:.....giờ.... phút, vào các ngày.....
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:.....
- Cự ly vận chuyển:km.
- Hành trình chạy xe:.....
5. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.

TÊN ĐƠN VỊ KDVT.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ****I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi:; Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyếntrong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:

- Chuyến 1 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

- Chuyến 2 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

-

b) Chiều về: xuất bến tại:

- Chuyến 1 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

- Chuyến 2 xuất bến lúcgiờphút, vào các ngày

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờphút.

4. Tốc độ lữ hành:km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:

+ Chuyến 1: Giờ xuất bến:

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					

2.					
...					

+ Chuyến 2: Giờ xuất bến:

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Chuyến 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Chuyến 2: Giờ xuất bến:

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2					
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Chuyến	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Chuyến 1			
2	Chuyến 2			

				
--	------	--	--	--

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến):đồng/HK.

- Chặng 2 (từđến):đồng/HK.

- Chặng:

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:..... đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bên xe:

b) Bán vé tại đại lý:(ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)

c) Bán vé qua mạng:(địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:, sức chứa:, năm sản xuất

- Số lượng xe:

VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại(sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại(sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:

3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:

ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG
SỞ XÂY DỰNG..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG

Kính gửi:.....(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)

Căn cứ nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Sở Xây dựng thông báo về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định thành công với các nội dung sau:

1. Tên Đơn vị KDVT:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày...../...../.....
do(tên cơ quan cấp) cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ ngày.... tháng.... năm.....

- Tên tuyến: Nơi đi:..... Nơi đến:..... và ngược lại (1).

- Bến xe đi:..... Bến xe đến:.....

- Mã số tuyến:.....

- cự ly vận chuyển:.....km; Hành trình chạy xe:.....

Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:..... giờ..... phút, vào các ngày.....

.....

+ Tại bến xe đến:.....giờ.....phút, vào các ngày

.....

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo.....(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*) có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp sau 60

ngày kể từ ngày thông báo, nếu(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐBVN;
- Sở GTVT....;
- Các Bến xe....;
- Lưu:....

GIÁM ĐỐC

(*Ký tên, đóng dấu*)

Hướng dẫn ghi: (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

4. Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải

4.1. Trình tự thực hiện⁷:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Trung tâm dịch vụ hành chính công nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị.
- Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định hoặc bến xe khách có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Trung tâm dịch vụ hành chính công nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc đầu tuyến bên kia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã đăng ký đề nghị cấp phù hiệu.
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Xây dựng kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện để bảo đảm phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trước khi cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải và cập nhật các phù hiệu đã cấp vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.
- Việc tiếp nhận hồ sơ được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng hoặc trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc dịch vụ bưu chính. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công hoặc dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng.
- Từ ngày 15 tháng 9 năm 2026, việc tiếp nhận hồ sơ, cập nhật thông tin của hồ sơ và trả kết quả cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo hình thức trực tuyến được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

⁷ Trình tự thực hiện được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

- Sở Xây dựng kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để bảo đảm phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam hoặc Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ;

4.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ⁸:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử của giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao điện tử của một trong các giấy tờ sau: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Phù hiệu.

4.8. Phí, lệ phí: không có.

4.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu.

- Phù hiệu.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ được cấp phù hiệu. Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, được cấp phù hiệu cho xe ô tô phù hợp với loại hình kinh doanh đã được cấp phép và đảm bảo các nguyên tắc sau:

⁸ Trình tự thực hiện được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Tại một thời điểm, mỗi xe chỉ được cấp và sử dụng một loại phù hiệu tương ứng với một loại hình kinh doanh vận tải;
- Đơn vị kinh doanh vận tải kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Xây dựng hai đầu tuyến cấp phù hiệu xe ô tô trung chuyên;
- Phù hiệu được cấp lại khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, khi bị thu hồi.
- Trường hợp cấp lại phù hiệu khi hết hạn: đơn vị kinh doanh vận tải được đề nghị cấp lại phù hiệu trong khoảng thời gian 15 ngày tính đến ngày hết hạn phù hiệu.
- Trường hợp cấp lại khi bị thu hồi: sau khi hết thời hạn bị thu hồi phù hiệu.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU

Kính gửi:(Sở Xây dựng).....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1)

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CĐ, HĐ, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
..							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

(*) Áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Xây dựng thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

5. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

5.1. ⁹Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Sở Xây dựng cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

5.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ¹⁰Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN theo mẫu Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

5.8. Phí, lệ phí: không có.

5.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam thực hiện hoạt động vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

¹¹ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:Ngày cấp:

5. Đề nghị(cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....

6. Lý do đề nghị cấp lại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐- Bản kết quả giấy ☐

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI*(Ký tên, đóng dấu)*

¹¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành

¹² Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG ...
DEPARTMENT OF
CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ ASEAN **ASEAN CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit No.):.....

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):.....

.....

....., ngày... tháng... năm ...

..... (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature & Official Stamp)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

¹² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của số Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

6. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN

6.1.¹³ Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận ASEAN. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận ASEAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

6.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ¹⁴Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp mới; cấp lại khi Giấy phép liên vận ASEAN hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận ASEAN bị hư hỏng, bị mất*

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận ASEAN.

6.8. Phí, lệ phí: không có.

6.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN.

- Giấy phép liên vận ASEAN.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận ASEAN được cấp cho các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN.

- Giấy phép liên vận ASEAN được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

¹⁵ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN số:Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										
...										

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

¹⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

..., ngày ...tháng...năm...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành

Mẫu Giấy phép liên vận ASEAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Xây dựng Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Construction of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau bìa trước/Back side
---	---

Bộ Xây dựng Việt Nam Ministry of Construction of Viet Nam GIẤY PHÉP LIÊN VẬN ASEAN ASEAN VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT Số (Permit No.)..... Cấp cho (Issued to): ☐ Phương tiện thương mại (Commercial vehicle) ☐ Phương tiện phi thương mại (Non-Commercial vehicle) Trang 1 Page 1	Số đăng ký phương tiện (Vehicle registration Number) Ký hiệu nhận biết (Distinguishing Sign) VN Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải Details of Transport Operator Tên đơn vị (Transport Operator Name): Địa chỉ (Address): Số điện thoại (Telephone number):Số Fax/ Địa chỉ email (Fax number/Email address): Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation): Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (ASEAN Cross-Border Transport Permit No.): Ngày phát hành (Issuing date): Trang 2 Page 2
--	--

GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này có giá trị This permit is valid Từ ngày (From): (dd/mm/yyyy) Đến ngày (Until): (dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination): Ngày cấp (Date of issuance): Issuing Authority (Signature & Stamp) Trang 3 Page 3	GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này được gia hạn This permit is extended Đến ngày (Until): (dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination): Ngày cấp (Date of issuance): Issuing Authority (Signature & Stamp) Trang 4 Page 4
--	--

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point):..... - Tuyến đường (Route):.....			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal	Dấu Hải quan Customs seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extend until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission): ngày (days) - Cửa khẩu vào (Entry point):..... - Cửa khẩu ra (Exit point): - Tuyến đường (Route):			
Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal	Dấu Biên phòng Border guards seal

Hướng dẫn (Instruction)

1. Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm

Page size: 105 mm x 150 mm

Bìa màu cam dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Orange cover used for all vehicles.

Mẫu phù hiệu phương tiện vận tải qua biên giới ASEAN

Kích cỡ và kích thước của Phù hiệu:

Đường kính ngang: ± 11.5 cm

Đường kính dọc: ± 11.8 cm

Nền phù hiệu: Màu cam



Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

7.1. ¹⁶Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Sở Xây dựng thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận ASEAN và trả lại Giấy phép liên vận ASEAN cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Trả kết quả gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện cho đơn vị kinh doanh vận tải trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận ASEAN tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

7.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

¹⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

7.8. Phí, lệ phí: không có.

7.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận ASEAN trong trường hợp bất khả kháng.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

¹⁷Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....province

....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):.....

2. Địa chỉ: (*Address*).....

3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*).....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*

- Biển số xe (*Registration number*):.....

- Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number) ngày (the date of)(dd/mm/yyyy)

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit):.....(dd/mm/yyyy)

5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

¹⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

..., ngày ... tháng ... năm.....

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

8. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

8.1. ¹⁸Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo mẫu. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

8.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ¹⁹Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS theo Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

¹⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

8.8. Phí, lệ phí: không có.

8.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam thực hiện hoạt động vận tải đường bộ quốc tế GMS;

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

²⁰ **Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS****TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ****CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:Ngày cấp:
5. Đề nghị Sở Xây dựng(cấp/cấp lại*) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS như sau:

Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

6. Lý do đề nghị cấp lại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Nếu đề nghị cấp lại cần ghi rõ lý do.
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

²¹Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG...
DEPARTMENT OF
CONSTRUCTION...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GMS
GMS ROAD TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit No.):

1. Cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):
4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport operation):.....
-
-

....., ngày... tháng... năm ...

.....,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Issuing Authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature & Stamp)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

²¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

9. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD

9.1. ²²Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép liên vận GMS theo mẫu. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính

9.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ²³Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp mới; cấp lại khi Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo Mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

²² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

²³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD bị hư hỏng, bị mất*

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo Mẫu số 03 Phụ lục III Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC: ²⁴Sở Xây dựng.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD.

9.8. Phí, lệ phí: không có.

9.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD theo Mẫu.

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD được cấp cho các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

²⁵Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS/sổ TAD**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GMS HOẶC SỔ TAD**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS số:Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										
...										

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

²⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

..., ngày... tháng... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 04. Giấy phép liên vận GMS¹

National Transport Facilitation Committee Viet Nam

GMS Road Transport Permit¹

This document is issued in accordance with Protocol 3 and Article 23 of the Agreement between and among the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Republic of China, the Laos People's Democratic Republic, the Union of Myanmar, the Kingdom of Thailand, and the Socialist Republic of Viet Nam for Facilitation of Cross - Border Transport of Goods and Passengers.

Permit No.	Distinguishing Nationality Sign	Permit number	Optional Barcode
------------	------------------------------------	---------------	------------------

Type of Permit/Transport Operation²:

- ☐ Scheduled passenger transport
- ☐ Non-Scheduled passenger transport
- ☐ Cargo transport

1. Issuing Authority:

1.1. Name:

1.2. Address:

1.3. Contact Data³:2. Beneficiary of the Permit⁴:

2.1. Name:

2.2. Address:

2.3. Contact Data:

2.4. Road Transport Operator's National License Number: ⁵

3. Particulars for Scheduled Passenger Transport Operations Only:

3.1. Itinerary:

3.2. Frequency of operations for the beneficiary:

3.3. Maximum Capacity (number of seats/persons):

3.4. Other Restrictions:⁶

4. Period of Validity: fromuntil.....⁷

5. Allocated Vehicle Registration Number⁸:

	Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer		Prime mover/Truck/Bus/Semi- trailer
1		5	
2		6	
3		7	
4		8	

Place and date of Issuance: Authentication (Seal/Stamp, Signature):

1. Warning: Counterfeiting is a criminal offence. This permit entitles its holder to perform cross-border road transport operations in the GMS region, subject to compliance with national laws of the Host Country, and the other conditions of the Agreement. The transport operator shall keep the original of this permit on board the vehicle at all times during cross-border transport operations for inspection and control purposes by authorities. This permit shall be valid only for the vehicle of which the registration number is entered on the permit form. Except for scheduled passenger transport operations, the Itineraries are restricted to the exit/entry point, routes, and corridors defined in Protocol 1 to the Agreement.

2. Please tick the type of transport operation.

3. Contact data may include: telephone number, fax number, email address, etc.

4. This permit is nominative and non-negotiable and non-transferable.

5. The validity of this permit shall be subject to the validity of the holder's transport operator license.

6. Other restrictions on this type of transport operations flowing from the arrangements on terms and conditions by the Country whose territory is traversed as per Article 5(e) of Protocol 3 to the Agreement.

7. Provided the permit was used before the expiry of its validity date by entering the territory of another GMS country than that of its holder transport operator, it shall remain valid until the completion of the transport operation by the return of the vehicle to its Home Country. A cross - border transport operation shall be completed by the exit of the vehicle from the Host Country territory within a period of 30 days from the date of entry in the Host Country territory. If the transport operator is unable to timely leave the Host Country territory, he/she shall inform the Host Country Competent Authority and may be required to file a request for extension.

8. Type of vehicle should be entered. Only the number(s) entered in the last box prevail(s). If the form has become full within its validity period, the issuing authority shall upon a simple request from its holder forthwith replace the original form.

¹ Giấy phép liên vận GMS được ban hành theo Nghị định thư III và Điều 23 của Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Liên minh Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách qua biên giới. Mẫu giấy phép liên vận GMS chỉ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.

Mẫu số 05. Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải (Sổ TAD)

Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng Greater Mekong Subregion Cross-Border Transport Facilitation Agreement  Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Motor Vehicle Temporary Admission Document SPECIMEN Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam	SPECIMEN						
Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng Greater Mekong Subregion Cross-Border Transport Facilitation Agreement  Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Motor Vehicle Temporary Admission Document Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Giao thông vận tải Ministry of Transport	Số Sổ TAD No. _____ Số Giấy phép vận tải đường bộ GMS: GMS Road Transport Permit No. _____ Sổ theo dõi Tạm nhập Phương tiện vận tải Tiểu vùng Mê Kông mở rộng Greater Mekong Subregion Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) Phương tiện Type of Vehicle: ☐ Phương tiện vận tải hành khách Passenger Transport Vehicle ☐ Phương tiện vận tải hàng hoá Goods Transport Vehicle _____/_____ Số đăng ký xe/Năm sản xuất Vehicle Registration Number/Year of Production Số đăng ký Sơ-mi rơ moóc (dùng với phương tiện chính) Semi-Trailer Registration Numbers (For Use With The Main Vehicle) <table border="1"> <tr> <td>1.</td> <td>2.</td> <td>3.</td> </tr> <tr> <td>4.</td> <td>5.</td> <td>6.</td> </tr> </table> _____ Ký hiệu phân biệt Distinguishing Sign  2	1.	2.	3.	4.	5.	6.
1.	2.	3.					
4.	5.	6.					

Đặc điểm phương tiện Particulars of the Vehicle 1. Thông số kỹ thuật Technical Data Loại phương tiện Vehicle Category _____ Nhãn hiệu Brand _____ Model Model _____ Màu sắc Colour _____ Vị trí Tay lái Steering Wheel ☐ Trái Left ☐ Phải Right Số máy Engine No. _____ Số khung Chassis No. _____ Kích thước Dimensions Rộng _____ mm, Dài _____ mm, Cao _____ mm Width _____ mm, Length _____ mm, Height _____ mm Số chỗ ngồi Number of Seats _____ Khối lượng toàn bộ tối đa Maximum Gross Weight _____ Khối lượng bản thân Net Weight _____ Giá trị phương tiện (bằng nội tệ tại thời điểm cấp tờ khai) Vehicle Value (in Local Currency at Time of TAD Issuance) _____ 3	2. Phụ tùng và thiết bị bổ sung (nếu có) * Additional Articles and Equipment (if Any)* ☐ Phụ tùng Spare Parts ☐ Vật tư bảo dưỡng Maintenance Supplies ☐ Phụ kiện khác Others * Theo số lượng phù hợp. Đánh dấu vào ô. In reasonable quantities. Please tick. 3. Dữ liệu bổ sung Additional Data Tên Doanh nghiệp/chủ sở hữu phương tiện Name of Company/Vehicle Owner _____ Số điện thoại di động Mobile Phone _____ Địa chỉ: Address: _____ Đường/phố Street _____ Thành phố City _____ Quận/huyện County (District) _____ Tỉnh Province _____ 4
4. Có giá trị đến _____ Valid Until _____ Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date _____ Chữ ký và dấu của cơ quan cấp phép Signature and Seal of Issuing Authority _____ Gia hạn thời gian lưu hành Extension of Validity Có giá trị đến _____ Valid Until _____ Cấp tại _____ Ngày _____ Done At _____ Date _____ Chữ ký và dấu của cơ quan gia hạn Signature and Seal of Issuing Authority _____ 6	Giới thiệu Introduction 1. Theo Điều 18 và Phụ lục 8 của Hiệp định GMS CBTA (gọi tắt là "Hiệp định"), Sổ theo dõi Tam nhập Phương tiện vận tải này (TAD) cho phép phương tiện đã đăng ký được hoạt động vận tải qua biên giới dọc theo các hành lang, tuyến đường và các điểm nhập/xuất cảnh được quy định tại Nghị định thư số 1 của Hiệp định; In accordance with Article 18 and Annex 8 of the GMS CBTA (the "Agreement"), this Motor Vehicle Temporary Admission Document (TAD) allows the registered vehicle to operate cross-border transport along the corridors, routes and points of entry and exit designated in Protocol 1 of the GMS CBTA. 2. Nghiêm cấm tẩy xóa, bổ sung hoặc giả mạo bất kỳ điều khoản nào trong sổ này; các vi phạm như vậy sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; It is prohibited to erase, add or falsify any terms specified in this TAD. Such offences shall be prosecuted. 3. Trong trường hợp đánh mất sổ này, người có tên trên sổ phải thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng gần nhất của Nước chủ nhà. Cơ quan cấp phép của Nước xuất phát gốc phải được thông báo kịp thời; In case of loss of this TAD, the holder shall immediately inform the nearest competent authorities of the Host country. The issuing authority of the Home country shall be notified in due course. 7

4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This TAD shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expiry date. 5. Phương tiện được cấp phép phải mang theo sổ này, để cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà kiểm tra và đóng dấu cho từng hoạt động vận tải qua biên giới. Sổ này phải được mang theo cùng phương tiện và xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền của các Bên tham gia Hiệp định GMS CBTA khi được yêu cầu. The permitted vehicle shall carry this TAD, which is subject to inspection and stamping for each cross-border transport operation by the Host country Customs authorities. This TAD shall be carried in the vehicle and produced to the competent authorities of GMS CBTA Contracting Parties upon request. 6. Ngày tháng và các điểm xuất/nhập cảnh phải được ghi nhận trên các trang tiếp theo trang này, được cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà ký và đóng dấu, bao gồm cả thời gian gia hạn được cơ quan chức năng cho phép, tối đa là 30 ngày để hoàn thành hoạt động vận tải qua biên giới, trong trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do hợp lý khác. Dates and points of exit and entry shall be recorded on the pages that follow, signed and stamped by the Host country Customs authorities, including any extensions granted by these authorities to the 30-day time limit for completion of	the cross-border transport operation, caused by force majeure or other reasonable cause. 7. Trong trường hợp xảy ra vi phạm (Ví dụ: vi phạm pháp luật và quy định Hải quan của Nước chủ nhà, không có phản ứng kịp thời hoặc không chấm dứt sử dụng sổ này theo thời gian quy định), thì Chủ phương tiện/công ty có tên trong Phần 3 của sổ này sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn thiếu cho cơ quan Hải quan của Nước chủ nhà. In case of any irregularity (e.g., breach of Host country Customs laws and regulations, lack of response, or lack of timely discharge of the TAD) the Company/Vehicle Owner listed in Section 3 of the TAD shall be liable for payment of duties, taxes, fines, and interest owed to the Host country Customs authorities. Sổ này gồm có 60 trang, không kể trang bìa This Permit Contains 60 Pages Excluding the Cover		
8 Hồ sơ hoạt động RECORD <table style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)</td> </tr> </table> 10	Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)	
Đến (ngày, nơi đến) Arrival (date, point of entry)	Đi (ngày, nơi đi) Departure (date, point of exit)		

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

10. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

10.1. ²⁶Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS. Sở Xây dựng việc gia hạn bằng văn bản hoặc trong sổ TAD và trả lại sổ TAD cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Trả kết quả gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và sổ TAD tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

10.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo Mẫu số 06 Phụ lục III Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.

²⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

10.8. Phí, lệ phí: không có.

10.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD trong trường hợp bất khả kháng.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

²⁷Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng

To: Department of Construction of.....

....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):

2. Địa chỉ: (*Address*)

3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)

4. Đề nghị Sở Xây dựng gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Department of Construction of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle (s):*

- Biển số xe (*Registration number*):

- Giấy phép liên vận GMS số (GMS Road Transport Permit number) ngày (the date of) (dd/mm/yyyy).

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy).

5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gianngày, từ ngày đến ngày

²⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ,

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ... day(s), from ... (dd/mm/yyyy) until ... (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of GMS Agreement*).

8. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): ☐

- Bản kết quả giấy (Paper result): ☐

....., ngày ... tháng ... năm...

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person)*

*Chú ý (Note):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

11. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

11.1. ²⁸Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm dịch vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

11.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, dịch vụ bưu chính.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- ²⁹Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

²⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

²⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

- ³⁰Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử hợp đồng thuê phương tiện;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (đối với doanh nghiệp phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia) kèm bản dịch hợp đồng hoặc tài liệu ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan công chứng đối với trường hợp hợp đồng, tài liệu bằng tiếng nước ngoài.

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia bị hư hỏng, bị mất*

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

³⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC³¹:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương
- Sở Xây dựng địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

11.8. Phí, lệ phí: không có.

11.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

³² Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ
CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: Ngày cấp:
5. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										

³² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

3										
---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐

b) Hành khách theo hợp đồng: ☐

c) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam).

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:.....).

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình tuyến đường:

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số
ngày ... tháng ... năm ...

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

- Bản kết quả giấy ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

³³ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ
CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: Ngày cấp:

5. Đề nghị Sở Xây dựngcấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: ☐

b) Cá nhân: ☐

³³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: ☐

d) Mục đích khác: ☐

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

- Bản kết quả giấy ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

*** Chú ý:**

- Tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI COMMERCIAL VEHICLE	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Xây dựng Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau bìa trước/Back side
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT Số giấy phép (Permit number):..... Ngày cấp (Date of issuance): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp) Page 1	Chi tiết về Đơn vị vận tải Details of Transport Operator/Organization 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number): 2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax: Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle 1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): 2. Thông số kỹ thuật (Specifications): - Năm sản xuất:..... (Manufacture year) - Nhân hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... ☐Xe tải (Truck) ☐Xe khách (Bus) ☐Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):..... Page 2

Page 5	Next Pages
Hướng dẫn (Instruction) 1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request. 3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.	Ghi chú (notices) Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles. Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness *** GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE Mặt bìa trước/ Cover	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Xây dựng Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau/Back side
 Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT) Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Issuing date): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)	Chi tiết về tổ chức/cá nhân Details of Organization/Individual 1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number): 2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax: Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle 1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): 2. Thông số kỹ thuật (Specifications):..... - Năm sản xuất (Manufacture year):..... - Nhân hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... ☐Xe tải (Truck) ☐Xe khách (Bus) ☐Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):.....

Page 1 GHI CHÚ NOTICES Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes Cửa khẩu (Border gate): Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Các ghi chú khác (other notices):..... 	Page 2 GIA HẠN EXTENTION Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days) Gia hạn đến..... Extended until.....(dd/mm/yyyy) Ngày cấp Issuing date..... Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)																
Page 3 BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</td> <td style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</td> <td style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</td> <td style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</td> </tr> </table>	HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Page 4 BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GARDS <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</td> <td style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</td> <td style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh Exit date</td> <td style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh Re-entry date</td> </tr> </table>	HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)															
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date														
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)															
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date														

				Next Pages
Page 5				

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This book shall be presented to the competent authorities upon request. 3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn. This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended before the expiry date.	Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại. Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles. Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại. Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

No.....	
VIET NAM CLV- CBT BOARD	
(Company):	(Competent Authorities)

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

12. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

12.1. ³⁴Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ Trung tâm phục vụ hành chính công nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện cho phương tiện của Lào, Campuchia. Sở Xây dựng thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia và trả lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;

- Trả kết quả gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính

12.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo Mẫu số 05 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.

³⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

12.8. Phí, lệ phí: không có.

12.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phương tiện của Lào, Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

Mẫu:³⁵ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ

GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST

FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):Số Fax (Fax number):
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ... ngày, từ ngày.... đến ngày ...
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ...until...
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To

³⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): ☐
- Bản kết quả giấy (Paper result): ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations)

13. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

13.1. ³⁶Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin của hồ sơ theo đúng quy định vào Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Sở Xây dựng có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

13.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ³⁷Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo Mẫu số 06 Phụ lục IV Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

³⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

³⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính)

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

13.8. Phí, lệ phí: không có.

13.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.³⁸ Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG,
THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình chạy xe:

5. Danh sách xe đăng ký, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

³⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

--	--	--	--	--	--

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÀI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày cóchuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúcgiờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày cóchuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúcgiờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lưu hành:km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe:đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xeđến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từđếnphút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.
-
-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**Thông báo khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
SỞ XÂY DỰNG...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/SXD-VT

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO

**KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH
KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Tuyến:đivà ngược lại

Giữa: Bến xe.....và Bến xe.....

Kính gửi:.....

Sở Xây dựng nhận được công văn số..... ngày ... thángnăm ... và hồ sơ kèm theo củavề việc đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Sở Xây dựngthông báo như sau:

Cho phépđược khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe(tên tỉnh đến).

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác:(dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:(dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế: **Thay thế cho xe** (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bên xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng³⁹ Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

³⁹ Cụm từ “Sở Giao thông vận tải” được thay thế bởi cụm từ “Sở Xây dựng” theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

14. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công

b) Giải quyết TTHC:

**⁴⁰Đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A, E; Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu trong năm:*

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Sở Xây dựng thực hiện cấp giấy phép theo các mẫu quy định. Trường hợp không cấp, sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

**⁴¹Đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm:*

- Người lái xe hoặc nhân viên của đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G xuất trình Giấy phép vận tải đã sử dụng cho Sở Xây dựng các

⁴⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

⁴¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ,

tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu để được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm;

- Sở Xây dựng các tỉnh nêu trên thực hiện cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Đối với trường hợp cấp lần đầu*

- ⁴²*Đối với phương tiện thương mại gồm:*

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

- ⁴³*Đối với xe công vụ gồm:*

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của văn bản mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt);

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền.

** Đối với trường hợp cấp lần thứ hai trở đi:*

- Giấy phép vận tải (xuất trình).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

⁴² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

⁴³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.**14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

44 Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu căn cứ theo tuyến đường vận chuyển và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý cấp: Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G thời hạn cấp giấy phép được tính từ ngày đề nghị cấp giấy phép đến ngày 31 tháng 12 của năm cấp giấy phép; riêng Giấy phép vận tải loại B và loại F cấp cho xe công vụ thì thời hạn cấp giấy phép theo đề nghị của tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhưng tối đa đến ngày 31 tháng 12 của năm cấp giấy phép.

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G.

14.8. Phí, lệ phí: không có.**14.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc.
- Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G được cấp cho phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải và xe công vụ của Việt Nam.

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

⁴⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

Mẫu.⁴⁵ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với phương tiện thương mại)**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ Email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số..... Ngày cấp.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:..... Điện thoại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

⁴⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả giấy

□

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

....., ngày... tháng... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02.⁴⁶ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với xe công vụ)**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên cơ quan, đơn vị:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Mục đích đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
A	B	1	2	3	4	5	6
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: Số điện thoại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

⁴⁶ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

....., ngày... tháng... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Cơ quan, đơn vị phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu Giấy phép vận tải loại A
Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm màu hồng.

VN	Năm 年	CHN
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 越南社会主义共和国交通运输部 行车许可证专用章		Số (编号): BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải 中华人民共和国交通运输部 行车许可证专用章
GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM 种行车许可证 用于两国边境地区定期旅客运输车辆，当年多次往返有效。 A		
1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限		
Từ 自		Đến 至
4. Tuyến vận chuyển: bến đi và bến đến 运输线路		
Bến xe đi 始发站		Bến xe đến 抵达站
5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程路线及沿途停靠站点		
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

- 两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。
- 本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。
- 本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。
- 承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại B

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ B in chìm màu lam nhạt.

VN

Năm

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI B

PHIÊN BẢN VẬN TẢI QUÂN SỰ HẠNH THÔNG ĐỊNH KỲ VÀ XE CÔNG VỤ
TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI CỦA NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

B 种行车许可证

用于两国边境地区的不定期旅客运输和公务用车, 当年往返 1 次有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运者或公务用车所属单位名称		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực 许可证有效期限	đến 至	
4. Số hành khách 旅客人数		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ 自	đến 至
6. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠站		
7. Mục đích của chuyến đi 此行目的	☐ Thương mại ☐ Công vụ ☐ 贸易 ☐ 公务	
8. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关	Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại Cửa khẩu ký đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
11. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại C

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN

Năm:

年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA
TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

C 种行车许可证

用于两国边境地区的货物运输车辆，当年1次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ đến 自 至	
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ đến 自 至	
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点		
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại E

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ E in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm:

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 越南社会主义共和国交通运输部
 行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 中华人民共和国交通运输部
 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI E

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH (BẢO QUẢN CÁ NHÂN DU LỊCH) ĐỊNH KỲ
 HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VẠO SÂU TRONG LÃNH THỔ HAI NƯỚC
 CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

E 种行车许可证

用于两国超出边境地区的定期旅客(含游客)运输车辆

当年多次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路			
Bến xe đi 始发站.....		Bến xe đến 抵达站.....	
4. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至.....	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ F in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm: 年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI F
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HẠNH KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ (GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH) VÀ XE
CÔNG VỤ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO/SAU TRÔNG LẠI NHÌ THỜI CỦA HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

F 种行车许可证

用于两国间不定期旅客(含游客)运输和公务车辆, 当年1次往返有效。

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运企业或公务车所属单位名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输工具			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
4. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠站			
5. Mục đích của chuyến đi 此行目的		☐ Thương mại ☐ Công vụ ☐ 贸易 ☐ 公务	
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại G

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ G in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm:

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI G
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HẠN CHẾ
HOẠT ĐỘNG TRÊN CẢ CHUYẾN VÀO SÀI TRÒNG LÃNH THỔ CỦA NƯỚC
CÓ HỖ ĐƯỢC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM
G 种行车许可证
用于两国超出边境地区的货物运输车辆
当年 1 次往返有效

1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biên số xe 车牌号码	Trọng tải 载重量		
Số khung 车架号码	Số máy 发动机号码		
Màu sơn 颜色	Nhãn hiệu 品牌		
3. Tuyến vận chuyển 运输线路:			
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Đến 自 至	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHỊ CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

15. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bị mất, bị hỏng Giấy phép vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công

b) Giải quyết TTHC:

** Đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A, E; Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần đầu trong năm:*

- Sở Xây dựng cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, sở Xây dựng thực hiện cấp giấy phép theo mẫu. Trường hợp không cấp, sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc cơ quan cấp phép hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

** Đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm:*

- Người lái xe hoặc nhân viên của đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G xuất trình Giấy phép vận tải đã sử dụng cho Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu để được cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm;

- Sở Xây dựng các tỉnh nêu trên thực hiện cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Đối với trường hợp cấp lần đầu*

- *Đối với phương tiện thương mại gồm:*

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- *Đối với xe công vụ gồm:*

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của văn bản mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt);

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền.

** Đối với trường hợp cấp lần thứ hai trở đi:*

- Giấy phép vận tải đã cấp (xuất trình).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu.

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G.

15.8. Phí, lệ phí: không có.

15.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải loại A, B, C, E, F, G được cấp cho phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải và xe công vụ của Việt Nam.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁴⁷ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với phương tiện thương mại)**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ Email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số..... Ngày cấp.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:
(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên:..... Điện thoại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

⁴⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả giấy

□

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

....., ngày... tháng... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02.⁴⁸ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ)

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC
(đối với xe công vụ)**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên cơ quan, đơn vị:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Mục đích đề nghị cấp giấy phép cho phương tiện:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại..... cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
A	B	1	2	3	4	5	6
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: Số điện thoại:

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

⁴⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

....., ngày... tháng... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Cơ quan, đơn vị phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu Giấy phép vận tải loại A

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ A in chìm màu hồng.

VN

Năm

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI A

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

种行车许可证

用于两国边境地区固定班客运输车辆，当年多次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址	
2. Biển số xe 汽车牌照号	
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	Từ Đến 自 至
4. Tuyến vận chuyển: bến đi và bến đến 运输线路: 起讫站	
Bến xe đi 始发站	Bến xe đến 到达站
5. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行程路线及沿途停靠站点	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章	7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

- 两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。
- 本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。
- 本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。
- 承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại B

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ B in chìm màu lam nhạt.

VN

Năm

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI B

HÀNH TRÌNH VẬN TẢI TẠM THỜI HẠN ĐỊNH KỲ VÀ XE CÔNG VỤ
TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI LÊN NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM
B 种行车许可证
用于两国边境地区的不定期旅客运输和公务车辆，当年往返 1 次有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运者或公务车辆所属单位名称		
2. Biển số xe 汽车牌照号		
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限	từ đến 自 至	
4. Số hành khách 旅客人数		
5. Tuyến vận chuyển 运输线路	Từ đến 自 至	
6. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠站点		
7. Mục đích của chuyến đi 此行目的	☐ Thương mại ☐ Công vụ ☐ 贸易 ☐ 公务	
8. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关	Ngày cấp Giấy Cơ quan quản lý vận tải tại Cửa khẩu ký đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章	Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
11. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章	Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại C
Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ C in chìm màu vàng nhạt.

VN

Năm:

年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 越南社会主义共和国交通运输部
 行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
 中华人民共和国交通运输部
 行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI C
 CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA
 TRÊN CÁC TUYẾN GIỮA KHU VỰC BIÊN GIỚI HAI NƯỚC
 CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

C 种行车许可证

用于两国边境地区的货物运输车辆，当年 1 次往返有效。

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp vận tải 承运者名称和详细地址			
2. Biển số xe 汽车牌照号			
3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép 许可证有效期限		Từ đến 自 至	
4. Tải trọng phương tiện vận chuyển 运输工具载重吨位			
5. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ đến 自 至	
6. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点			
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại E

Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ E in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm:

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI E

CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH HẠCH (BẢO GỒM CÁC NHÀ DU LỊCH) ĐỊNH KỲ
HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SÂU TRONG LÃNH THỔ HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC NHIỀU LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

E 种行车许可证

用于两国超出边境地区的定期旅客（含游客）运输车辆

当年多次往返有效

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路			
Bến xe đi 始发站.....		Bến xe đến 抵达站.....	
4. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至.....	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại F

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ F in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm: 年

CHN

Số 编号:

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI F
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH KHÔNG ĐỊNH KỲ (GỒM CÁC KHÁCH DU LỊCH) VÀ XE
CÔNG VỤ HOẠT ĐỘNG TRÊN CÁC TUYẾN VÀO SAU TRONG LÃNH THỔ CỦA HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

F 种行车许可证

用于两国间非固定线路的不定期旅客(含游客)运输和公务车辆, 当年1次往返有效。

1. Tên doanh nghiệp vận tải hoặc cơ quan chủ quản xe công vụ 承运企业或公务用车所属单位名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输工具			
Biển số xe 车牌号码		Số ghế 座位数	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
4. Hành trình và trạm dừng nghỉ trên đường 行车路线及沿途停靠站			
5. Mục đích của chuyến đi 此行目的		☐ Thương mại ☐ Công vụ ☐ 贸易 ☐ 公务	
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHỊ CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

Mẫu Giấy phép vận tải loại G

Khổ giấy A4, Nền trắng in chữ đen, riêng chữ G in chìm viền màu xám trong màu trắng.

VN

Năm:

年

CHN

Số (编号):

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI G
CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
HOẠT ĐỘNG TRÊN CẢ LƯỚI LƯỚI VẠO SÀU TRONG LÃNH THỔ CỦA CẢ HAI QUỐC
CÓ HỖ ĐƯỢC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM
G 种行车许可证
用于两国超出边境地区的货物运输车辆
当年 1 次往返有效

1. Tên Doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trong tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Tuyến vận chuyển 运输线路:		Từ Đến	
4. Hành trình và điểm nhận hàng, trả hàng 行车路线及装卸货地点			
5. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến	
6. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		7. Ngày cấp giấy/Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
8. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHỊ CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

16. Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam

16.1. ⁴⁹Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công .

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan giới thiệu hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu có văn bản giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc. Trường hợp không giới thiệu, sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản giới thiệu đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

16.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ⁵⁰Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D theo Mẫu số 10 Phụ lục V Nghị định này 218/2026/NĐ-CP;

⁴⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

⁵⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy Giới thiệu Đơn vị kinh doanh vận tải với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc.

16.8. Phí, lệ phí: không có.

16.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị giới thiệu xin cấp Giấy phép vận tải loại D.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải loại D do cơ quan quản lý có thẩm quyền của Trung Quốc cấp cho phương tiện của Việt Nam. Trước khi lập hồ sơ đề nghị phía Trung Quốc cấp giấy phép, đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện thủ tục đề nghị giới thiệu như quy định.

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu số 10.⁵¹ Giấy đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
GIỚI THIỆU CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
4. Địa chỉ Email:
5. Giấy phép (vận chuyển hàng quá khổ, quá tải hoặc hàng nguy hiểm) số... cấp ngày...
6. Đề nghị giới thiệu cấp Giấy phép vận tải loại D cho phương tiện Việt Nam thực hiện vận tải hàng hóa sang Trung Quốc như sau:

Xe số 1:

Biển kiểm soát: ...	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

Xe số 2:

Biển kiểm soát: ...	Số khung:	Màu sơn:	Trọng tải:
Số máy:	Nhãn hiệu:	Loại hàng vận chuyển:	Thời gian cấp phép:

⁵¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:
--------	---------------------	---------------------------	------------------------------

Xe số 3:.....

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc.

7. Đề nghị Sở Xây dựng..... giới thiệu với cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc tạo điều kiện cấp giấy phép cho phương tiện.

8. Người liên hệ nhận giấy giới thiệu:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

- Bản kết quả giấy ☐

..., ngày ... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành

17. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc

17.1. ⁵²Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép vận tải loại D theo mẫu. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc cơ quan cấp phép hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

17.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ⁵³Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D theo Mẫu số 11 Phụ lục V Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Giấy Giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền của phía Trung Quốc (bản sao kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung);

⁵² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

⁵³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

- Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;
- Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy phép vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc cấp (bản sao có chứng thực kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung);
- Bản sao hoặc bản sao điện tử của Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (bản sao có chứng thực kèm bản dịch có chứng thực các giấy tờ, văn bản từ tiếng Trung sang tiếng Việt đối với trường hợp bản gốc không có song ngữ tiếng Việt và tiếng Trung).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

Sở Xây dựng các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu căn cứ theo tuyến đường vận chuyển và các cặp cửa khẩu thuộc địa phận quản lý cấp Giấy phép vận tải loại D cho phương tiện vận tải Trung Quốc.

17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc.

17.8. Phí, lệ phí: không có.

17.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D.
- Giấy phép vận tải loại D (cấp cho phương tiện của Trung Quốc).

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải loại D do cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho phương tiện của Trung Quốc trên cơ sở Giấy giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc.

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁵⁴ Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
TRANSPORT OPERATOR NAME

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D
APPLICATION FORM FOR TRANSPORT PERMIT - D

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

To: Department of Construction of..... province

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):

2. Địa chỉ (Address):.....

3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):

4. Địa chỉ email (Email address):

5. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số...ngày

...

Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) dated (dd/mm/yyyy).

6. Giấy phép (vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng hoặc hàng nguy hiểm) số ... do (cơ quan của Trung Quốc)...cấp ngày ... Permit number (for carrying oversized, overweight or dangerous goods) ... issued by (Chinese authority) ... dated... (dd/mm/yyyy).

7. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải loại D cho các phương tiện sau đây (Request for issuing Transport Permit - D for following vehicles):

Xe số 1:

Vehicle No.1:

Biển số xe: Plate Number:...	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến:	Hành trình đề nghị:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị:	Dự kiến thời gian khởi hành:

⁵⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 11 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Route:	Proposed route:	Proposed stops and parking places:	Proposed time of departure:
--------	-----------------	------------------------------------	-----------------------------

Xe số 2:

Vehicle No.2:

Biển số xe: Plate Number:...	Số khung: Chassis Number:	Màu sơn: Color:	Trọng tải: Gross weight:
Số máy: Engine Number:	Nhãn hiệu: Brand/trademark:	Loại hàng vận chuyển: Type of goods:	Thời gian cấp phép: Date of issuance:
Tuyến: Route:	Hành trình đề nghị: Proposed route:	Các điểm dừng, đỗ đề nghị: Proposed stops and parking places:	Dự kiến thời gian khởi hành: Proposed time of departure:

Xe số 3:

Vehicle No.3:

Ghi rõ tuyến, hành trình đề xuất theo tuyến quốc lộ, điểm dừng đỗ cả ở Việt Nam và Trung Quốc.

Specifying proposed routes, stops and parking places in both VietNam and China

8. Người liên hệ (Contact person)

Họ và tên (Full name):

Điện thoại (Telephone number):

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): ☐- Bản kết quả giấy (Paper result): ☐

..., ngày ...tháng...năm....

Place,(dd/mm/yyyy)

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Transport Operator Name)

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

Mẫu Giấy phép vận tải loại D**Khổ giấy A4, nền trắng in chữ đen, riêng chữ D in chìm màu vàng đậm****VN****Năm:****年****CHN****Số (编号)**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
越南社会主义共和国交通运输部
行车许可证专用章

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN
TRUNG HOA

Dấu chuyên dùng cho giấy phép vận tải
中华人民共和国交通运输部
行车许可证专用章

GIẤY PHÉP VẬN TẢI LOẠI D

CẤP CHỖ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG NGUY HIỂM
VÀ HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG GIỮA HAI NƯỚC
CÓ HIỆU LỰC MỘT LẦN ĐI VÀ VỀ TRONG NĂM

D 种行车许可证**用于两国间危险货物运输和超限货物运输车辆****当年1次往返有效**

1. Tên doanh nghiệp vận tải 承运企业名称			
Địa chỉ 地址			
Điện thoại/ Người liên hệ 电话/联系人			
2. Phương tiện vận tải 运输车辆			
Biển số xe 车牌号码		Trọng tải 载重量	
Số khung 车架号码		Số máy 发动机号码	
Màu sơn 颜色		Nhãn hiệu 品牌	
3. Loại hàng hoá 货物种类			
4. Tuyến vận chuyển 运输线路		Từ Đến 自 至	
5. Hành trình và các điểm được phép dừng, đỗ 行车路线及沿途停靠站点			
6. Thời gian hiệu lực của giấy phép 许可证有效期		Từ Đến 自 至	
7. Cơ quan cấp phép đóng dấu 发证机关盖章		8. Ngày cấp giấy/ cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu ký, đóng dấu 口岸运输管理机构签章、签证日期	
9. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Trung Quốc kiểm tra, ký, đóng dấu 中方口岸运输管理机构查验签章		Xuất cảnh 出境	Nhập cảnh 入境
10. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu phía Việt Nam kiểm tra, ký, đóng dấu 越方口岸运输管理机构查验签章		Nhập cảnh 入境	Xuất cảnh 出境

GHI CHÚ

- Phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch), hàng hóa định kỳ hoặc không định kỳ và xe công vụ giữa hai nước phải có giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và hoạt động trên các tuyến đường bộ được hai nước mở cho vận tải đường bộ quốc tế.
- Giấy phép này viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung. Xe ô tô phải mang theo giấy phép này và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền.
- Giấy phép này chỉ dành riêng cho phương tiện vận tải hành khách (bao gồm cả khách du lịch) và hàng hóa đường bộ quốc tế và xe công vụ, không thay cho giấy phép vận tải đường bộ trong nước của mỗi nước và không được chuyển nhượng cho người thứ ba sử dụng.
- Người lái xe hoạt động trên lãnh thổ hai nước Việt - Trung phải tuân theo Luật pháp quốc gia, quản lý hành chính, quy định về vận tải đường bộ và quy tắc giao thông của nước bên kia.

使用说明

两国间定期和不定期旅客（旅游）、货物运输车辆和公务车辆应持有国际汽车运输行车许可证，并在两国相互为国际道路运输开放的公路上进行。

本许可证用中文和越文书写。必须随车，并应接受被授权的检查机关的检查。

本行车许可证只对国际道路货物、旅客（旅游）运输车辆和公务车辆有效，不作为各自国内汽车运输凭证，本行车许可证不得转让给第三者使用。

承运者在中越两国领土上应遵守对方国家法律、行政管理、汽车运输法规及交通规则。

18. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

18.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công nơi phương tiện đang lưu hành.

b) ⁵⁵Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện cho phương tiện của Trung Quốc. Sở Xây dựng thực hiện việc gia hạn bằng văn bản và trả lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc cho tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Hệ thống công nghệ thông tin tập trung của Bộ Xây dựng. Bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

18.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo Mẫu số 12 Phụ lục V Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

18.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

18.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.

18.8. Phí, lệ phí: không có.

⁵⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

18.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Phương tiện của Trung Quốc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc nếu có lý do chính đáng được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày.

18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁵⁶ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

To: Department of Construction of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):
4. Địa chỉ email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....):..... ngày (the date of).
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):.....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày.....
Request for extension of vehicle operation period in VietNam inday(s), from Until.....
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

⁵⁶ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 12 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Vietnam and China on cross-border transport)*.

10. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): ☐
- Bản kết quả giấy (Paper result): ☐

..., ngày ...tháng...năm....

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

19. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

19.1. ⁵⁷Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho Trung tâm phục vụ hành chính công

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan quản lý tuyến tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, cơ quan quản lý tuyến có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

19.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ⁵⁸Thành phần hồ sơ:

⁵⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

⁵⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 13 Phụ lục V Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;
- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);
- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo Mẫu số 14 Phụ lục V Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

19.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

19.6. Cơ quan thực hiện TTHC ⁵⁹:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố có tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước;
- Sở Xây dựng các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý.

19.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

19.8. Phí, lệ phí: không có.

19.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

⁵⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

- Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

19.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁶⁰ Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ/THAY THẾ/BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN
 KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ
 GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày.../.../.....
5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:..... Bến đến:

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình chạy xe:.....

Điểm dừng đỗ trên đường:.....

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						

⁶⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 13 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đề nghị đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

- Bản kết quả giấy ☐

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu.⁶¹ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:..... km.

Lộ trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong..... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe:.....

Hàng ngày có..... chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lữ hành:..... km/giờ.

⁶¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 14 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

b) Lượt về từ Bến xe:..... đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:.....

- Điểm dừng thứ hai:.....

- Điểm dừng thứ ba:.....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ..... đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khỏe.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

.....

6. Các dịch vụ khác

- a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:.....
- b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:.....

7. Giá vé

- a) Giá vé:
 - Giá vé suốt tuyến:..... đồng/hành khách.
 - Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

* Chú ý:

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào phương án khai thác tuyến (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu.⁶² Thông báo khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc

**CƠ QUAN QUẢN LÝ
TUYẾN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**KHAI THÁC/NGỪNG HOẠT ĐỘNG TUYẾN/THAY THẾ/BỔ SUNG/
NGỪNG PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

**Tuyến:..... đi..... và ngược lại
Giữa Bến xe..... và Bến xe**

Kính gửi:

Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải nhận được công văn số/..... ngàycủa..... về việc đăng ký khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

Thực hiện Điều Nghị định số 15 8/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác/ngừng hoạt động tuyến/thay thế/bổ sung/ngừng phương tiện hoạt động tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe.....

Bến đến: Bến xe.....

⁶² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 15 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Số xe tham gia khai thác:..... (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến)

Số xe bổ sung khai thác tuyến:..... (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến)

Số xe thay thế:..... **Thay thế cho xe:**..... (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến)

Số xe ngừng hoạt động trên tuyến:..... (đối với phương tiện ngừng hoạt động trên tuyến)

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký văn bản này..... phải đưa phương tiện vào khai thác. Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

..... (Đơn vị kinh doanh vận tải) ký hợp đồng khai thác với bến xe cho phương tiện đã được Cục Đường bộ Việt Nam/Sở Giao thông vận tải..... chấp thuận và tổ chức hoạt động vận tải hành khách trên tuyến theo đúng các quy định hiện hành (đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện).

Nơi nhận:

-
-

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

***Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

20. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

20.1. ⁶³Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công các địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

20.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ⁶⁴Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 01 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

⁶³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ,

⁶⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án kinh doanh vận tải theo Mẫu số 02 Phụ lục XI Nghị định 158/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

20.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

20.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

20.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

20.8. Phí, lệ phí: không có.

20.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

- Phương án kinh doanh vận tải.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam đáp ứng quy định tại Điều 19 Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

20.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁶⁵ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... Ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:
 - Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):
 -
 -
 - Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):
 -
 -
6. Nhận kết quả bằng hình thức:
 - Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
 - Bản kết quả giấy ☐

⁶⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

..., ngày ... tháng... năm...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu. Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN

KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, ⁶⁶).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
 - a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.
 - Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

⁶⁶ Cụm từ "vận tải hàng hóa bằng công-ten-no" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: ⁶⁷, vận tải hàng hóa thông thường...).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

⁶⁷ Cụm từ "vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
 PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
 PROVINCE
SỞ XÂY DỰNG
 DEPARTMENT OF
 CONSTRUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
VIETNAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm ...
Place,..... (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

21. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

21.1. ⁶⁸Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

21.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- ⁶⁹Đối với phương tiện thương mại gồm:

⁶⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁶⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 04 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử hợp đồng thuê phương tiện đối với trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình⁷⁰;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác)⁷¹;

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh tổ chức, đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với tổ chức, đơn vị phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào) kèm bản dịch hợp đồng hoặc tài liệu ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan công chứng đối với trường hợp hợp đồng, tài liệu bằng tiếng nước ngoài⁷².

** Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và bị hư hỏng, bị mất*

- Đối với xe thương mại Văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 04 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

- Đối với xe phi thương mại: Văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

⁷⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁷¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁷² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

21.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

21.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.**21.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- + Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương;
- + Sở Xây dựng địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

21.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

21.8. Phí, lệ phí: không có.**21.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại.
- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào và các quy định của Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

21.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁷³ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số..... ngày cấp
5. Đề nghị Sở Xây dựng cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát.....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

⁷³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Hành khách theo hợp đồng:

--

c) Vận tải hàng hóa:

--

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:..... đi..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Việt Nam).

Bến đến: Bến xe..... (thuộc tỉnh:..... Lào).

Cự ly vận chuyển:..... km.

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Xây dựng thông báo khai thác tuyến tại công văn số..... ngày

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐- Bản kết quả giấy ☐

..., ngày... tháng ... năm...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu.⁷⁴ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN
PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Đề nghị..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

....., ngày tháng năm

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

⁷⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu số 06. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ----- GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT Số Giấy phép (Permit Number):	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam Bộ Xây dựng Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết The Ministry of Construction of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary Mặt sau bìa trước/Back side
--	--

Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle 1. Số đăng ký phương tiện (Registration number) 2. Thông số kỹ thuật (Specifications) - Năm sản xuất (Manufacture year): - Nhãn hiệu (Brand/Trademark): - Loại xe (Model): 	Chi tiết về cơ quan/đơn vị/cá nhân được cấp giấy phép liên vận Details of Organization/ individual granted transport permit Tên cơ quan/đơn vị/cá nhân (Organization/individual name): Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number):..... Số Fax (Fax number):..... Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
---	---

Xe tải Xe khách Xe khác (truck) ☐ (Bus) ☐ (Others) ☐ - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine No.): - Số khung (Chassis No.): - Trọng tải (Gross weight): Trang 1	 Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator): Ngày phát hành (Issuing date):..... Trang 2
--	---

GHI CHÚ NOTICES Giấy phép này có giá trị This permit is valid Từ ngày (From)..... (dd/mm/yyyy) Đến ngày (until)..... (dd/mm/yyyy) Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến Border gate, Operation areas/routes, Destination Cửa khẩu (Border gate)..... Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): Nơi đến (Destination):..... Ngày cấp (Issued date):..... Cơ quan cấp phép Issuing Authority (Signature, stamp) Trang 3	GIA HẠN Extension Giấy phép này được gia hạn đến ngày tháng..... năm This permit is extended until ddd/mm/yyyy) Ngày... tháng ... năm... date....month....year.... Cơ quan gia hạn Extending Authority Ký tên, đóng dấu (Signature, stamp) Ghi chú (Notices):..... Trang 4
---	---

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS				HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction) 1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa. This permit contains 50 pages excluding the covers. 2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this permit gets lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue. 3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This permit shall be presented to the competent authorities upon request. 4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng. This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.	Ghi chú (Notices): Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm. Page size 11 cm x 15 cm. Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện. Red cover used for all vehicles.
---	--

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào

Số (Number):.....

PHÙ HIỆU
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
STICKER
VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name).....

Cơ quan cấp phép/Issuing Authority
(Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ
 (from) Đến
 (until).....

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210mm, nền trắng chữ đỏ**Ký hiệu phân biệt quốc gia**

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

22. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

22.1. ⁷⁵Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công các tỉnh, thành phố nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Sở Xây dựng thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam và trả lại Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính

22.2. Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo Mẫu số 07 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

22.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

22.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

22.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

22.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.

22.8. Phí, lệ phí: không có.

22.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

⁷⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ,

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phương tiện của Lào quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày.

22.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁷⁶ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ

GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST

FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng

To: Department of Construction of

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):
4. Giấy phép liên vận giữa Lào và Việt Nam số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To*

⁷⁶ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 07 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

9. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): ☐
- Bản kết quả giấy (Paper result): ☐

..., ngày ... tháng ... năm...

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

23. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

23.1. ⁷⁷Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào đến cơ quan quản lý tuyến.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan quản lý tuyến thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo mẫu. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

23.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

23.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ ⁷⁸:

⁷⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁷⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 08 Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;
- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);
- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

23.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

23.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

23.6. Cơ quan thực hiện TTHC: ⁷⁹Sở Xây dựng

23.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

23.8. Phí, lệ phí: không có.

23.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.
- Tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào phải xuất phát và kết thúc trên lãnh thổ Việt Nam, tại bến xe khách từ loại 01 đến loại 04 hoặc bến xe loại 05 thuộc địa bàn huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

23.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

⁷⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁸⁰ Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ/NGỪNG PHƯƠNG TIỆN
 VÀ NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
 CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào số: ngày cấp:...
5. Đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):
 Cự ly vận chuyển:km
 Hành trình chạy xe: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.....
6. Danh sách phương tiện:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu (sử dụng) xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						

⁸⁰ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 08 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ

...						
-----	--	--	--	--	--	--

(Đối với phương tiện thay thế ghi rõ phương tiện biển số thay thế phương tiện biển số)

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo: Đối với đăng ký khai thác tuyến, bổ sung phương tiện).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế/ngừng phương tiện và ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu số 09.⁸¹ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành:km/giờ.

⁸¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 09 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lướt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất

- Điểm dừng thứ hai

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

* Chú ý:

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu ⁸² Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /SXD-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựngnhận được công văn số..... ngày ... tháng năm... và hồ sơ kèm theo của về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào;

Thực hiện Điều Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày/...../2026 của Chính phủ, Sở Xây dựngthông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào.

Tên tuyến: đivà ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số lượng phương tiện tham gia khai thác:

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

-

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

⁸² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

24. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

24.1.⁸³ Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy phép kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải trên cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính

24.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

24.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ⁸⁴:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia Mẫu số 01 Phụ lục VII Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

⁸³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁸⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án kinh doanh vận tải theo Mẫu số 02 Phụ lục XII kèm theo Nghị định 158/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

24.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

24.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

24.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng.

24.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

24.8. Phí, lệ phí: không có.

24.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia.

24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

24.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁸⁵ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ
QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách bằng xe taxi; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

⁸⁵ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).
- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

⁸⁶ Cụm từ “Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ” theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: ⁸⁷, vận tải hàng hóa thông thường...).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

⁸⁷ Cụm từ “Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ” theo quy định tại khoản 8 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

Mẫu.⁸⁸ Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN
 PEOPLE'S COMMITTEE OF ...
SỞ XÂY DỰNG ...
 DEPARTMENT OF
 CONSTRUCTION ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
VIET NAM - CAMBODIA CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):.....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày... tháng... năm ...

..... (dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

* **Chú ý:** Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

⁸⁸ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

25. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

25.1.⁸⁹ Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm dịch vụ hành chính công.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, Sở Xây dựng thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không cấp, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

25.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

25.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Đối với phương tiện thương mại⁹⁰:

⁸⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 04 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

+ Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính).

- Đối với phương tiện phi thương mại⁹¹ gồm:

+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của hợp đồng thuê phương tiện đối với trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân.

+ Bản sao hoặc bản sao điện tử của quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

** Trường hợp cấp lại khi bị hư hỏng, bị mất*

- Đối với phương tiện thương mại: Văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 04 Phụ lục VII Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

- Đối với phương tiện phi thương mại: Văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục VII Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

25.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

25.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

25.6. Cơ quan thực hiện TTHC⁹²:

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố cấp giấy phép liên vận cho phương tiện thương mại của các đơn vị kinh doanh vận tải, phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Xây dựng địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

⁹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

25.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

25.8. Phí, lệ phí: không có.**25.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại.
- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

25.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.
- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁹³ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số ngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát thay thế phương tiện có biển kiểm soát

⁹³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 04 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐
 b) Hành khách theo hợp đồng: ☐ c) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam).

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Campuchia).

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày.....

7. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
 - Bản kết quả giấy ☐

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI
 (Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu.⁹⁴ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:
5. Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1									
2									
3									

6. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐
- Bản kết quả giấy ☐

⁹⁴ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

*** Chú ý:**

- Tổ chức, cá nhân phải ký, đóng dấu (đối với tổ chức) vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of VietNam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles to operate
conveniently and to render the vehicle any assistance as
necessary

Mặt sau bìa trước/Back side

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE
CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):
Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng
(Non transferable and non negotiable)

Xe kinh doanh vận tải
Commercial Vehicle

Trang 1
Page 1

Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....

Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign)
VN

Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải
Details of Transport Operator

Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):
.....

Địa chỉ (Address):

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport
Permit No.):

Ngày phát hành (Issuing date):

Trang 2
Page 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

Giấy phép này có giá trị.....ngày
This Permit is valid..... days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal			
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal			

**GHI CHÚ
NOTICES**

Giấy phép này được gia hạn
This Permit is extended

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Date of issuance):

Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 4

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal			
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Hải quan Customs Seal			

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal

Chuyến đi (Trip)	Ngày vào (Date of entry)	Gia hạn đến (Extension until) (nếu có/if any)	Ngày ra (Date of exit)
(1)	(2)	(3)	(4)
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal
- Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days) - Cửa khẩu vào (entry point):... - Cửa khẩu ra (exit point):.... - Tuyến đường (Route):.... Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal	Dấu Biên phòng Border Guards Seal

Hướng dẫn (Instruction)

- Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

- Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
- Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải
Green cover used for truck
- Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt
Yellow cover used for bus
- Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
Pink cover used for non-commercial vehicle

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles
to operate conveniently and to render the
vehicle any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

.....

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)

.....

- Năm sản xuất (Manufacture year):

.....

- Nhân hiệu (Brand/Trademark):

.....

- Loại xe (Model):

.....

- Màu sơn (Colour):

.....

- Số máy (Engine No.):

.....

- Số khung (Chassis No.):

.....

- Trọng tải (Gross weight):

.....

Trang 1

Page 1

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
 Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet
 Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for
 Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị ngày

This book is valid days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
 Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issue):

Cơ quan cấp phép
Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

Page 3

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Trang tiếp theo

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS				HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)

- Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Hướng dẫn (Instruction)

- Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.
This permit contains 10 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy.
This permit shall be used for the specified vehicle only.

Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm
Page size: 105 mm x 150 mm
Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại
Pink cover used for non-commercial vehicle

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:

PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
STICKER
VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:

Cơ quan cấp/Issuing authority
 (Ký tên, đóng dấu/Signature, Stamp)

Số đăng ký/Registration Number:

Thời hạn/Period of Validity: từ/from.....đến/until.....

Cửa khẩu vào/Entry point:

Cửa khẩu ra/Exit point:

Tuyến đường/Route:

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

Ký hiệu phân biệt quốc gia



Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

26. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

26.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cho Trung tâm dịch vụ hành chính công nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

b) Giải quyết TTHC:

- ⁹⁵Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. Sở Xây dựng thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam và trả lại Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không gia hạn, Sở Xây dựng trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- ⁹⁶Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, bản giấy văn bản gia hạn (nếu có) và Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

26.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp.

26.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo Mẫu số 08 Phụ lục VII Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

26.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

26.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

26.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng

26.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.

⁹⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

⁹⁶ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

26.8. Phí, lệ phí: không có.

26.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

26.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Phương tiện của Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày.

26.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu.⁹⁷ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH

CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE

OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Xây dựng

To: Department of Construction of

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):
4. Địa chỉ email (Email address):
5. Giấy phép liên vận giữa Campuchia và Việt Nam số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), fromuntil
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To*

⁹⁷ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 08 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia *(To comply strictly with all provisions of Viet Nam 's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport).*

10. Nhận kết quả bằng hình thức (Receive the result in the form of):

- Bản kết quả điện tử hợp lệ (Valid electronic result): ☐
- Bản kết quả giấy (Paper result): ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...
Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

*** Chú ý (Note):**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

(A valid electronic result has the same legal value as the paper result in accordance with current regulations).

27. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

27.1. ⁹⁸Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đến Trung tâm dịch vụ hành chính công

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Xây dựng hoặc dịch vụ bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định và kiểm tra thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đăng ký xe trên Cơ sở dữ liệu về đăng ký phương tiện, cơ quan quản lý tuyến thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia. Trường hợp không chấp thuận, sở Xây dựng thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia và nêu rõ lý do;

27.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

27.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) ⁹⁹Thành phần hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 09 Phụ lục VII kèm theo Nghị định này;

- Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình bản sao hoặc bản sao điện tử của: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

⁹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

⁹⁹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia theo Mẫu số 10 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

27.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

27.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

27.6. Cơ quan thực hiện TTHC: ¹⁰⁰ Sở Xây dựng

27.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

27.8. Phí, lệ phí: không có.

27.9. Tên mẫu giấy, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam và Campuchia.

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

27.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

27.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

- *Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.*

¹⁰⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

Mẫu số 09.¹⁰¹ Giấy đăng ký/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**GIẤY ĐĂNG KÝ/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Xây dựng

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số: ngày cấp:
5. Đăng ký/thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến (Nơi đón trả khách):
 Cự ly vận chuyển:km.
 Hành trình chạy xe:cửa khẩu đi/cửa khẩu đến
6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
----	-------------------	-----------------------	---------	--------	--------------	----------------------

¹⁰¹ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 09 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026

A	B	1	2	3	4	5
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia.

9. Nhận kết quả bằng hình thức:

- Bản kết quả điện tử hợp lệ ☐

- Bản kết quả giấy ☐

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào Giấy đề nghị (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu.¹⁰² Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bên lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúc giờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúc giờ.

+.....

b) Tại bên lượt về: bến xe:

Hàng ngày có chuyến xuất bến như sau:

+ Chuyến 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Chuyến 2 xuất bến lúcgiờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.

¹⁰² Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 10 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

d) Tốc độ lữ hành:km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
1					
2					
...					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

.....
 c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

(Ký tên, đóng dấu)

* Chú ý:

- Đơn vị kinh doanh vận tải phải ký, đóng dấu vào phương án (ký trực tiếp trên bản giấy hoặc sử dụng chữ ký điện tử, dấu điện tử).

- Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.

Mẫu.¹⁰³ Thông báo khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia

**ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SXD-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
KHAI THÁC/BỔ SUNG/THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC
TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**
Tuyến: đi và ngược lại
Giữa: Bến xe và Bến xe

Kính gửi:

Sở Xây dựng nhận được công văn số ngày ... thángnăm... và hồ sơ kèm theo của... về việc đăng ký khai thác/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số..../2026/NĐ-CP ngày /...../2026 của Chính phủ, Sở Xây dựng thông báo như sau:

Chấp thuận được khai thác tuyến/bổ sung/thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe (tên tỉnh đến).

Hành trình: cửa khẩu đi/cửa khẩu đến.

Số xe tham gia khai thác: (dành cho phương tiện đăng ký khai thác tuyến).

¹⁰³ Mẫu này được thay thế bởi Mẫu 11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 218/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 38 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Số xe bổ sung khai thác tuyến: (dành cho phương tiện bổ sung khai thác tuyến).

Số xe thay thế: **Thay thế cho xe** (dành cho phương tiện thay thế khai thác tuyến).

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, phải đưa phương tiện vào khai thác, phải ký hợp đồng khai thác với bên xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Xây dựng Quá thời hạn nêu trên, giấy thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

*** Chú ý:**

Bản kết quả điện tử hợp lệ có giá trị pháp lý tương đương bản kết quả giấy theo quy định hiện hành.